

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
Quý 4 năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Giữa niên độ kết thúc ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Nội dung	Số dư đầu quý	Số dư cuối quý
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN:	1,218,381,599,375	1,255,888,025,918
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	260,118,414,542	352,442,806,810
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	345,917,082,394	328,127,673,406
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	382,018,092,992	451,356,103,983
4	Hàng tồn kho	216,789,052,916	112,053,799,665
5	Tài sản ngắn hạn khác	13,538,956,531	11,907,642,054
II	TÀI SẢN DÀI HẠN:	1,405,243,303,804	1,351,506,688,089
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định:	180,895,599,976	45,351,955,473
-	- Tài sản cố định hữu hình	19,216,314,116	19,819,388,531
-	- Tài sản cố định vô hình	12,045,231,522	11,886,137,372
-	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
-	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	149,634,054,338	13,646,429,570
3	Bất động sản đầu tư	384,205,564,268	531,763,775,926
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	836,706,022,456	770,066,639,728
5	Tài sản dài hạn khác	3,436,117,104	4,324,316,962
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,623,624,903,179	2,607,394,714,007
IV	NỢ PHẢI TRẢ:	767,344,906,213	506,800,850,827
1	Nợ ngắn hạn	652,341,612,513	401,326,424,911
2	Nợ dài hạn	115,003,293,700	105,474,425,916
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU:	1,845,505,811,312	2,089,765,606,953
1	Vốn chủ sở hữu:	1,844,461,197,294	2,088,468,229,808
-	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	578,901,730,000	810,431,310,000
-	- Thặng dư vốn cổ phần	1,315,439,887,150	1,315,439,887,150
-	- Cổ phiếu quỹ	(28,912,770)	(28,912,770)
-	- Các quỹ	109,915,366,436	116,514,630,861
-	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(159,766,873,522)	(153,888,685,432)
2	Nguồn vốn kinh phí và quỹ khác:	1,044,614,018	1,297,377,145
-	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,044,614,018	1,297,377,145
-	- Nguồn kinh phí	-	-
-	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	10,774,185,655	10,828,256,227
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,623,624,903,179	2,607,394,714,007

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

(Áp dụng đối với doanh nghiệp sản xuất, chế biến, dịch vụ....)

Giữa niên độ kết thúc ngày 31/12/2008

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Diễn giải	Quý 04 năm 2008	Lũy kế từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	332,400,713,015	1,169,017,388,328
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(4,544,232,938)	(19,915,385,414)
		-----	-----
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	327,856,480,077	1,149,102,002,914
4	Giá vốn hàng bán	(240,878,873,665)	(814,541,434,610)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86,977,606,412	334,560,568,304
6	Doanh thu hoạt động tài chính	51,251,702,926	183,107,297,785
7	Chi phí tài chính	(82,769,553,778)	(525,855,399,786)
8	Chi phí bán hàng	(13,533,015,631)	(36,186,028,315)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(34,186,981,866)	(102,638,196,330)
		-----	-----
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7,739,758,063	(147,011,758,342)
11	Thu nhập khác	2,153,844,247	7,982,896,198
12	Chi phí khác	(170,481,229)	(312,949,582)
		-----	-----
13	Lợi nhuận khác	1,983,363,018	7,669,946,616
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,723,121,081	(139,341,811,726)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,782,053,269	(13,119,478,031)
16	Lợi ích của cổ đông thiểu số	(53,501,834)	74,985,760
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12,451,672,516	(152,386,303,997)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mai Thanh